TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Sỹ
Ông Bùi Kim Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Diệu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Bà P có mặt; ông T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2013. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn nguyên nhân do chồng bà ông Nguyễn Văn T dùng chất gây nghiện như cỏ mỹ và ma túy đá, đã từng đi cai nghiện về nhưng vẫn sử dụng và về đánh bà, dùng những lời nói đe dọa mẹ con bà. Bà và ông T hiện nay không còn chung sống với nhau nữa, bà về sinh sống cùng ba mẹ ruột ở T, T còn ông T sống với ba mẹ ông Thành ở T, P, vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm nhau. Bà thấy tình cảm vợ

chồng rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về nuôi con chung vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Trường D, sinh ngày 15-10-2013. Bà hiện nay làm công nhân may tại Khu công nghiệp T, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, bà đảm bảo đủ điều kiện nuôi dạy con đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Ông T làm nghề tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nhận nuôi con chung đến khi thành niên đủ 18 tuổi, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị P tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam vào năm 2013. Nay bà P yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung vợ chồng ông có 01 con chung là Nguyễn Trường D, sinh ngày 15-10-2013, nếu ly hôn ông có nguyện vọng giao con cho bà P trực tiếp nuôi con chung đến khi thành niên và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do ông bận công việc, ông không có thời gian để đến Toà án tham gia giải quyết vụ án nên đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P; Về quan hệ hôn nhân bà Lê Thị P ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Trường D, sinh ngày 15-10-2013 cho bà Lê Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng là 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng cho đến khi cháu D thành niên đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung không có, bà P không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn, yêu cầu giải quyết về nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Thành có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét thấy, theo trình bày của bà P thì trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn nguyên nhân do ông T dùng chất gây nghiện như cỏ mỹ và ma túy đá, đã từng đi cai nghiện về nhưng vẫn sử dụng và về đánh bà, dùng những lời nói đe dọa mẹ con bà. Bà và ông T hiện nay không còn chung sống với nhau nữa, vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm nhau. Bà thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Hội đồng xét xử thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn T ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà P, ông T có 01 con chung là Nguyễn Trường D, sinh ngày 15-10-2013, khi ly hôn bà P có nguyện vọng nhận nuôi cháu D và ông T cũng đồng ý giao cháu D cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu D hiện nay đã trên 07 tuổi, cháu được bà P nuôi dạy tốt, phát triển bình thường, cháu D có nguyện vọng được ở với bà P, bà P có công việc làm và có mức thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi dạy cháu D đến khi thành niên. Do đó, HĐXX quyết định giao con chung Nguyễn Trường D cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là đảm bảo quyền lợi cho con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà P yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trường D mỗi tháng là 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng, ông T thống nhất mức cấp dưỡng đối với cháu D mỗi tháng là 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng cho đến khi cháu D thành niên đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 đến khi

cháu D thành niên đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NĐ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Nghị định 74/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

[2.3] Về chia tài sản chung: Bà P, ông T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà P, ông T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30-6-2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn T ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Trường D, sinh ngày 15-10-2013 cho bà Lê Thị Phượng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trường D mỗi tháng là 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng; Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng: hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018088, ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23-4-2025); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã Tam Thăng, tp Tam Kỳ (Số 22/2013 ngày 30/5/2013)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mận